

Bản án số: **117/2026/DS-ST**

Ngày: 06-3-2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Ân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Văn Thông;

+ Bà Trần Thị Kim Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5–Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2025/TLST-DS ngày 21/10/2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ph, sinh năm: 1979; địa chỉ: Số 15, Tuệ T, phường T, thành phố Đ. Có mặt

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Th; sinh năm: 1988 và ông Huỳnh Trương Tấn T, sinh năm: 1985; cùng địa chỉ: 328 Huỳnh Thúc Kháng, phường T, thành phố Đ. Vắng mặt (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Trương Thị Ph trình bày:* Do mối quen hệ chị em thân tình nên vào ngày 01/3/2022; ngày 07/07/2022 và ngày 05/11/2022, chị Đỗ Thị Th có đến nhà tôi mượn tiền nhiều lần, vì muốn giúp cho chị Th có thêm vốn làm ăn kinh doanh nên tôi đã cho chị Th mượn tổng số tiền là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Hai bên thỏa thuận khi nào tôi cần thì chị Th sẽ trả lại số tiền trên nhưng đến khi tôi cần, hơn một năm nay tôi đã nhiều lần yêu cầu chị Th trả lại số tiền trên nhưng chị Th vẫn cố tình không chịu trả, hứa hẹn nhiều lần. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Đỗ Thị Th và anh Huỳnh Trương Tấn T phải trả cho tôi số tiền là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

*\* Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai, bị đơn bà Đỗ Thị Th trình bày:*

Từ năm 2021 đến cuối năm 2024, tôi có vay tiền của bà Trương Thị Ph, số tiền lãi mỗi tháng tôi phải trả là 12.500.000 đồng. Trong thời gian 4 năm tôi đã trả cho bà Ph số tiền khoảng 600.000.000 đồng. Số tiền 250.000.000 đồng tôi vay của bà Ph tôi đã cho nhiều người khác mượn lại nhưng những người này chưa trả lại cho tôi. Tôi đã nhiều lần xin bà Ph để góp số tiền gốc nhưng bà Ph không chịu, sau đó bà Ph đồng ý cho tôi góp mỗi tháng là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Tôi đã góp được 3-4 tháng thì không đủ khả năng góp nữa. Hiện tại tôi đang nuôi 3 con nhỏ trong tuổi ăn học, vợ chồng tôi phải trả nợ cho rất nhiều cá nhân và Ngân hàng, không chỉ riêng bà Ph, số tiền thu nhập hằng tháng không đủ khả năng trả nợ một lần. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được trả hằng tháng số tiền là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi trả xong số tiền trên.

*\* Tại biên bản ghi lời khai ông Huỳnh Trương Tấn T trình bày:* Tôi không biết việc vay mượn tiền giữa vợ tôi bà Đỗ Thị Th với bà Trương Thị Ph, chữ ký trong giấy mượn tiền không phải là chữ ký của tôi. Số tiền vợ tôi vay của bà Ph vợ tôi đã cho người khác mượn lại, toàn bộ tài sản chung của vợ chồng tôi không liên quan gì đến số tiền trên. Tuy nhiên, việc vợ tôi có nợ bà Ph số tiền 250.000.000 đồng thì xin được trả cho bà Ph hằng tháng số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền trên, vì hoàn cảnh vợ chồng tôi hiện nay đang nợ Ngân hàng và nhiều cá nhân khác không đủ khả năng trả một lần theo yêu cầu của bà Ph.

*- Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải và có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.*

*\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa là đúng pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*\* Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Bà Đỗ Thị Th và ông Huỳnh Trương Tấn T phải trả cho Bà Trương Thị Ph số tiền nợ là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Đỗ Thị Th, ông Huỳnh Trương Tấn T có địa chỉ tại phường T, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1

Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khu vực 5 – Đà Nẵng.

Tại phiên toà, bị đơn Bà Đỗ Thị Th và ông Huỳnh Trương Tấn T vắng mặt. Tuy nhiên, bà Th, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ph về buộc bà Đỗ Thị Th, ông Huỳnh Trương Tấn T phải trả số tiền gốc 2.500.000.000 đồng thì thấy: Bà Th, ông T thừa nhận bà Thuận có vay của bà Trương Thị Ph số tiền là 250.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Mặc dù ông T cho rằng việc vợ ông bà Đỗ Thị Th vay tiền của bà Trương Thị Ph ông không biết, chữ ký trong giấy mượn tiền không phải là chữ ký của ông nhưng ông thống nhất vợ ông có nợ bà Ph số tiền trên và đề nghị bà Ph cho vợ chồng ông được trả hàng tháng số tiền là 500.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền trên. Do đó, việc bà Ph yêu cầu bà Thuận, ông Tuấn phải trả toàn bộ số tiền 2.500.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2]. Xét đề nghị của bị đơn về việc xin được trả dần mỗi tháng với số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, do điều kiện hiện nay khó khăn, Hội đồng xét xử thấy rằng: đây là đề nghị đơn phương của bị đơn nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Theo quy định của pháp luật, nghĩa vụ trả nợ phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Do đó, việc bị đơn xin trả dần nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đề nghị nêu trên.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, buộc bị đơn bà Th, ông T phải trả cho bà Trương Thị Ph toàn bộ số tiền nợ là 250.000.000 đồng. Trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ph được chấp nhận toàn bộ nên bà Th, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có theo giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Ph về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn Bà Đỗ Thị Th, ông Huỳnh Trương Tấn T.

Buộc bà Đỗ Thị Th, ông Huỳnh Trương Tấn T phải trả cho Bà Trương Thị Ph số tiền là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

[2]. *Về án phí*: Án phí DS-ST Bà Đỗ Thị Th, ông Huỳnh Trương Tấn T phải chịu số tiền là 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Hoàn lại cho bà Trương Thị Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000đ (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004256 ngày 21/10/2025 Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[3]. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 06-3-2026*); bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. Đà Nẵng;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 5 – Đà Nẵng;
- THADS Tp Đà Nẵng (KV5);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Bích Ân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

